

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **18** /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **15** tháng **4** năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Giám định tư pháp 2025 và một số biện pháp bảo đảm thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tiếp nhận trưng cầu và thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp và công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Cơ quan, người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học



và công nghệ.

Điều 3. Lĩnh vực giám định tư pháp về khoa học và công nghệ

1. Giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là việc giám định về nội dung chuyên môn, chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực giám định tư pháp về khoa học và công nghệ bao gồm các chuyên ngành giám định như sau:

- a) Hoạt động khoa học, công nghệ;
- b) Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ;
- c) Khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- d) Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- đ) Sở hữu trí tuệ;
- e) Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
- g) Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân;
- h) Bưu chính;
- i) Viễn thông;
- k) Tần số vô tuyến điện;
- l) Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số;
- m) Chuyển đổi số;
- n) Kinh tế số, xã hội số;
- o) Giao dịch điện tử;
- p) Chuyên ngành giám định tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRONG

LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MỤC 1. GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

2. Tiêu chuẩn “Có trình độ đại học trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam phù hợp với chuyên môn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp thuộc một trong các chuyên ngành giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

3. Tiêu chuẩn “đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn về chuyên ngành được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm việc đến thời điểm lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, phù hợp với lĩnh vực giám định tư pháp mà người đó được bổ nhiệm.

4. Tiêu chuẩn “Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có Giấy Chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Giám định tư pháp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

6. Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm giám định viên theo từng chuyên ngành được quy định tại Điều 3 Thông tư này.

7. Người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có thể được bổ nhiệm một hoặc nhiều chuyên ngành theo quy định tại Điều 3 Thông tư này khi có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1

Điều 10 Luật Giám định tư pháp và Điều 4 Thông tư này.

Điều 5. Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

2. Việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (bản điện tử hoặc bản giấy) theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện việc cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp được ban hành;

đ) Vụ Tổ chức cán bộ lập và gửi danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm và cấp thẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (gồm họ và tên, ngày sinh, nơi công tác hoặc nơi cư trú, lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn, số thẻ giám định viên) đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên;

e) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm và cấp thẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ

trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

3. Việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Thông tư này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp tại địa phương trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Tư pháp thực hiện việc cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp;

d) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập và gửi danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm và cấp thẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương (gồm họ và tên, ngày sinh, nơi công tác hoặc nơi cư trú, lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn, số thẻ giám định viên) đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên;

đ) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm và cấp thẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp và mẫu thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

Điều 6. Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong các trường hợp theo quy định

tại khoản 4 và khoản 5 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

3. Việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Giám định viên tư pháp thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, tổ chức trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý giám định viên tư pháp có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 5 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp tại Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện việc thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp được ban hành;

đ) Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật thông tin giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ vào danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và gửi đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên;

e) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được cập nhật, điều chỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ

trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Giám định viên tư pháp thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, tổ chức quản lý giám định viên có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 5 Điều này gửi Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất ý kiến với Sở Tư pháp, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở địa phương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp tại địa phương trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Sở Tư pháp thực hiện việc thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ vào danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương và gửi đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên;

e) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

5. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

Điều 7. Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực

khoa học và công nghệ

1. Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được xem xét, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

3. Việc bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở yêu cầu của người có nguyện vọng bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp (bản điện tử hoặc bản giấy) theo quy định tại khoản 5 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện việc cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp được ban hành;

đ) Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật thông tin giám định viên được bổ nhiệm lại và cấp thẻ vào danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ và gửi đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên;

e) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ

Khoa học và Công nghệ đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Việc bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều này, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp tại địa phương trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Tư pháp thực hiện việc cấp thẻ giám định viên tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp;

d) Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật thông tin giám định viên được bổ nhiệm lại và cấp thẻ vào danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương và gửi đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên;

đ) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

5. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

Điều 8. Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Thẻ giám định viên tư pháp được cấp lại trong các trường hợp theo quy

định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

2. Vụ Tổ chức cán bộ tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp và tham mưu Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật Giám định tư pháp.

MỤC 2. NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 9. Tiêu chuẩn công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Tiêu chuẩn công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Giám định tư pháp.

2. Trường hợp người không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Luật Giám định tư pháp nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành cần giám định thì có thể được xem xét, lựa chọn, công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Giám định tư pháp không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 10. Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

2. Việc công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp,

cụ thể như sau:

a) Tổ chức thuộc Bộ căn cứ vào nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tổ tụng, lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Thông tư này, lập 01 bộ hồ sơ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 4 Điều này đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ lập và gửi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (gồm họ và tên, ngày sinh, nơi công tác hoặc nơi cư trú, lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp) đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

3. Việc công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tổ tụng ở địa phương, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 của Thông tư này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc tại địa phương trong thời hạn 03 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ lập và gửi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương (gồm họ và tên, ngày sinh, nơi công tác hoặc nơi cư trú, lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp) đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp để lập danh sách chung trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;

d) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp.

Điều 11. Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Người giám định tư pháp theo vụ việc bị hủy bỏ công nhận trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 14 Luật Giám định tư pháp.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

3. Việc hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Hằng năm, tổ chức thuộc Bộ có trách nhiệm rà soát danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do mình quản lý. Trường hợp phát hiện người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật Giám định tư pháp hoặc tiếp nhận yêu cầu được hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo nguyện vọng cá nhân thì lập 01 bộ hồ sơ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 5 Điều này, gửi Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị hủy bỏ công nhận người giám

định tư pháp theo vụ việc;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế tổng hợp danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật thông tin hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc vào danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và gửi đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Việc hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp rà soát danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương. Trường hợp phát hiện người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật Giám định tư pháp hoặc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu được hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo nguyện vọng cá nhân thì Sở Khoa học và Công nghệ lập hồ sơ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 5 Điều này, tổng hợp danh sách và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật thông tin hủy bỏ công nhận người

giám định tư pháp theo vụ việc vào danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương và gửi đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;

d) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

5. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật Giám định tư pháp.

MỤC 3. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 12. Điều kiện công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Tiêu chuẩn công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Giám định tư pháp.

2. Đội ngũ cán bộ chuyên môn đảm bảo cho việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Luật Giám định tư pháp là đội ngũ cán bộ chuyên môn đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Luật Giám định tư pháp là có trang thiết bị bảo quản, lưu giữ đối tượng, hồ sơ, tài liệu giám định và trang thiết bị khác đáp ứng yêu cầu thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công

nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

2. Việc công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Các tổ chức chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ vào nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng, lập 01 bộ hồ sơ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị công nhận tổ chức giám định theo vụ việc;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét, lựa chọn tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp từ chối thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ lập và gửi danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (gồm tên tổ chức; số, ngày, tháng, năm thành lập; địa chỉ tổ chức; lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn; kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp) đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng tải danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

3. Việc công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, căn cứ vào

nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng ở địa phương lựa chọn tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện quy định tại Điều 12 của Thông tư này, yêu cầu các tổ chức lập 01 bộ hồ sơ (bản giấy hoặc bản điện tử) đề nghị công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại địa phương trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Sở Khoa học và Công nghệ lập và gửi danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương (gồm tên tổ chức; số, ngày, tháng, năm thành lập; địa chỉ tổ chức; lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn; kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp) đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 Luật Giám định tư pháp.

Điều 14. Hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương.

2. Việc hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại Bộ

Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Hằng năm, tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc do mình quản lý. Trường hợp phát hiện tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 của Thông tư này có văn bản gửi Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế tổng hợp danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật thông tin hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc vào danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và gửi đến Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ đăng tải danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

3. Việc hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp, cụ thể như sau:

a) Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc do mình quản lý. Trường hợp phát hiện tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Thông tư này có văn bản gửi Sở Tư pháp đề nghị hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tư pháp tổng hợp danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định

hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật thông tin hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc vào danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương và gửi đến tổ chức có thẩm quyền để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và Bộ Tư pháp để điều chỉnh, cập nhật trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

đ) Tổ chức có thẩm quyền đăng tải danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương đã được điều chỉnh, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều 19 Luật Giám định tư pháp.

Điều 15. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Thời gian bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo thời gian quy định tại Chương trình khung, nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp do Bộ Tư pháp ban hành và yêu cầu của chuyên ngành giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện dưới hình thức khóa bồi dưỡng ngắn hạn tập trung trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở Chương trình khung, nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp do Bộ Tư pháp ban hành và quy định về nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực

khoa học và công nghệ được quy định tại Thông tư này, bao gồm:

- a) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giám định tư pháp;
- b) Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ chuyên môn về từng lĩnh vực;
- c) Bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Trên cơ sở nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ quy định tại khoản 3 Điều này, Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với tổ chức chuyên môn của Bộ Tư pháp để xây dựng chương trình bồi dưỡng cụ thể và thiết kế mẫu Giấy Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

5. Người học được cơ sở đào tạo cấp Giấy Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ khi đáp ứng đủ các yêu cầu theo chương trình bồi dưỡng.

6. Giấy Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là một trong những điều kiện để bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Giám định tư pháp.

7. Kinh phí bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng và cấp Giấy Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo đúng quy định tại Điều này; báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế) định kỳ vào ngày 20 tháng 12 hằng năm về kết quả khóa đào tạo, số học viên, số chứng chỉ đã cấp, công tác tổ chức, quản lý đào tạo.

Chương III

THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH, ÁP DỤNG QUY CHUẨN CHUYÊN MÔN, CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Thành lập Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- 1. Điều kiện thành lập hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học

và công nghệ:

a) Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thành lập trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Giám định tư pháp;

b) Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập.

2. Việc thành lập hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ phù hợp với nội dung trung cầu giám định, trình Bộ trưởng quyết định thành lập hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Biểu mẫu 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện giám định của Hội đồng giám định;

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương phù hợp với nội dung trung cầu giám định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Biểu mẫu 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện giám định của Hội đồng giám định;

3. Thành phần, số lượng thành viên và cơ chế hoạt động của hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giám định tư pháp.

4. Nguyên tắc thành lập, hoạt động và kết luận của Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều 33 của Luật Giám định tư pháp.

Điều 17. Quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Quy chuẩn chuyên môn được áp dụng cho hoạt động giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Giám định tư pháp là các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, các loại quy trình, định mức khác do tổ chức có thẩm quyền ban hành trong từng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành cụ thể của lĩnh

vực khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động giám định tư pháp.

Điều 18. Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Giám định tư pháp, Pháp lệnh số 05/2024/UBTVQH15 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí tổ tụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ quyết định trung cầu giám định tư pháp được giao, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động giám định tư pháp tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán, bố trí kinh phí và điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động giám định tư pháp tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho người thực hiện giám định tư pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Giám định tư pháp, Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công chức, viên chức, người lao động và tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định hoặc tích cực tham gia hoạt động giám định thì được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng theo đề nghị của Vụ Tổ chức cán bộ và tổ chức chuyên môn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố khen thưởng theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức có liên quan.

3. Tổ chức của người thực hiện giám định tư pháp có trách nhiệm bảo đảm thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định; chủ trì, phối hợp với tổ chức có liên quan đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố khen thưởng đột xuất đối với người làm giám định của tổ chức mình hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định hoặc tích cực tham gia hoạt động giám định.

4. Tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ quyết định trung cầu giám định tư pháp được giao, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính lập dự toán đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm kinh phí chi trả đầy đủ tiền

bồi dưỡng giám định tư pháp cho người giám định tư pháp, người giúp việc cho người giám định tư pháp tại tổ chức.

Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán và bảo đảm kinh phí chi trả đầy đủ tiền bồi dưỡng giám định tư pháp cho người giám định tư pháp, người giúp việc cho người giám định tư pháp tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV

TIẾP NHẬN TRUNG CẦU, THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 20. Tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và thực hiện việc giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp trung ương trung cầu theo các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Giám định tư pháp hoặc cấp tỉnh trung cầu nếu vượt quá khả năng của tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp ở địa phương hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 38 Luật Giám định tư pháp hoặc do nội dung trung cầu giám định không thuộc lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Thông tư này hoặc do trình tự tiếp nhận không phù hợp với quy định tại Điều này.

3. Việc tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp tiếp nhận trung cầu giám định tư pháp:

a1) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu, yêu cầu giám định, Vụ Pháp chế có trách nhiệm đề xuất Lãnh đạo Bộ phân công nhiệm vụ cho tổ chức chuyên môn phù hợp với nội dung trung cầu giám định thực hiện nghiên cứu, tham mưu cụ thể việc tiếp nhận hoặc từ chối thực

hiện giám định; trường hợp nội dung trung cầu giám định có liên quan đến nhiều tổ chức chuyên môn thì đề xuất phải xác định rõ tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp trong việc tham mưu tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định hoặc từ chối tiếp nhận trung cầu giám định;

a2) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phân công của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức chuyên môn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với tổ chức có liên quan tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ (đồng thời gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp) phương án cụ thể về việc tiếp nhận trung cầu hoặc từ chối thực hiện giám định. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định thì phương án tiếp nhận trung cầu phải kèm dự thảo văn bản của Bộ tiếp nhận giám định hoặc cử người thực hiện giám định trong trường hợp quyết định trung cầu giám định yêu cầu cử người, dự thảo quyết định của Bộ thành lập tổ giám định theo Biểu mẫu 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp tiếp nhận thực hiện giám định và có từ 02 người trở lên tham gia giám định. Trường hợp từ chối tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định thì phương án từ chối phải kèm dự thảo văn bản từ chối trong đó nêu rõ lý do từ chối;

a3) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án trình, Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định.

b) Trường hợp trung cầu giám định được gửi trực tiếp đến tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc tổ chức chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ:

b1) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định, yêu cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc tổ chức chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và công nghệ có trách nhiệm giao tổ chức hoặc công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp xem xét, tham mưu tiếp nhận trung cầu hoặc từ chối thực hiện giám định;

b2) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công của Lãnh đạo, tổ chức hoặc công chức, viên chức được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu, trình Lãnh đạo phương án cụ thể về việc tiếp nhận trung cầu hoặc từ chối thực hiện giám định. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định thì phải kèm dự thảo văn bản tiếp nhận, cử người thực hiện giám định nếu quyết định trung cầu có yêu cầu cử người và dự thảo văn bản giao cá nhân, tổ chức thực hiện việc giám định. Trường hợp từ chối tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định thì phải có dự thảo văn bản trả lời cơ quan trung cầu về việc từ chối

tiếp nhận và nêu rõ lý do từ chối;

b3) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Lãnh đạo tổ chức xem xét, quyết định việc tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định.

c) Trường hợp trung cầu giám định được gửi đích danh người giám định tư pháp, công chức, viên chức tại Bộ Khoa học và Công nghệ:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định, người giám định tư pháp, công chức, viên chức tại Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định tư pháp hoặc từ chối thực hiện giám định, gửi văn bản cho người trung cầu và báo cáo Lãnh đạo tổ chức chủ quản biết, tạo điều kiện cho việc thực hiện giám định.

Điều 21. Tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương

1. Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp ở địa phương có trách nhiệm xem xét, tiếp nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và thực hiện việc giám định ở địa phương mình do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở địa phương hoặc trung ương trung cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Giám định tư pháp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp ở địa phương từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 38 Luật Giám định tư pháp hoặc nội dung trung cầu giám định không thuộc lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Thông tư này hoặc không phù hợp với quy định tại Điều này.

3. Việc tiếp nhận và thực hiện giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực tiếp tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định, yêu cầu giám định, Sở Khoa học và Công nghệ giao tổ chức thuộc Sở làm đầu mối xem xét, tham mưu tiếp nhận ban đầu việc trung cầu giám định, yêu cầu giám định. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định thì gửi kèm dự thảo văn bản tiếp nhận hoặc văn bản cử người thực hiện giám định trong trường hợp có yêu cầu cử người, dự thảo quyết định thành lập tổ giám định theo Biểu mẫu 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp có từ 02 người tham gia giám định. Trường hợp từ chối tiếp nhận trung cầu

giám định hoặc từ chối thực hiện giám định thì gửi kèm dự thảo văn bản từ chối, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

b) Trường hợp tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp hoặc cá nhân, tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở địa phương trực tiếp tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu, yêu cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các tổ chức, cá nhân này có trách nhiệm xem xét, tham mưu bằng văn bản việc tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định, trong đó nêu rõ thông tin người thực hiện giám định hoặc lý do từ chối tiếp nhận giám định.

Điều 22. Quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Việc giám định theo trung cầu, yêu cầu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy trình như sau:

- a) Giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu hoặc yêu cầu giám định;
- b) Chuẩn bị giám định;
- c) Thực hiện giám định;
- d) Kết luận giám định;
- đ) Trả kết luận giám định;
- e) Lập, lưu và bảo quản hồ sơ giám định.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Sơ đồ quy trình giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (Phụ lục I).

Điều 23. Giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phối hợp với người trung cầu, yêu cầu giám định để giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có).

2. Việc giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có) được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính (có ký giao nhận hoặc phiếu gửi) hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 29 của Luật Giám định tư pháp và phải lập thành biên bản theo Biểu mẫu 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu

vật liên quan (nếu có) được niêm phong thì trước khi mở phải kiểm tra niêm phong và lập biên bản mở niêm phong theo Biểu mẫu 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp có quyền từ chối nhận nếu phát hiện niêm phong bị rách hoặc có dấu hiệu bị thay đổi.

Điều 24. Chuẩn bị giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, trên cơ sở nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định và hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu kèm theo, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định xác định sơ bộ nội dung chuyên môn, công việc cần thực hiện; yêu cầu người trưng cầu, yêu cầu giám định cung cấp bổ sung (tối đa 01 lần) các hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giám định trong trường hợp chưa được cung cấp đầy đủ.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định lập đề cương giám định bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Đối tượng hoặc nội dung cần giám định và phạm vi giám định; thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định;

b) Xác định phương pháp thực hiện giám định, các quy chuẩn chuyên môn được áp dụng;

c) Xác định nội dung, chi tiết cần xác minh hoặc khảo sát đối tượng giám định phục vụ cho việc giám định (nếu cần thiết);

d) Dự kiến phương tiện, vật tư, trang thiết bị được sử dụng (nếu có);

đ) Dự kiến chi phí cần cho việc thực hiện giám định; tạm ứng và thanh toán chi phí giám định;

e) Các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

3. Trường hợp cần thiết, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định gửi lấy ý kiến người trưng cầu, yêu cầu giám định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm gửi văn bản trả lời đối với đề cương giám định.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định lập dự toán chi phí giám định, đề nghị tổ chức có thẩm quyền xem xét, tạm ứng chi phí giám định. Tổ chức có thẩm quyền xem xét và thực hiện việc tạm ứng chi phí giám định theo đề nghị cho tổ chức, cá nhân

thực hiện giám định theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thực hiện giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được tiến hành như sau:

- a) Nghiên cứu, phân tích kỹ hồ sơ trung cầu, yêu cầu, đối tượng giám định và các tài liệu, thông tin được người trung cầu, yêu cầu giám định đã giao, cung cấp;
- b) Xác định rõ đối tượng, những nội dung chuyên môn cần xem xét, đánh giá;
- c) Tiến hành khảo sát hoặc xác minh vấn đề cần thiết có liên quan mà người trung cầu, yêu cầu giám định không thể cung cấp được tài liệu, thông tin về vấn đề đó (nếu có);
- d) Tiến hành so sánh, đối chiếu vấn đề hoặc đối tượng cần giám định với quy chuẩn chuyên môn về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định;
- đ) Đưa ra nhận xét, đánh giá, nêu ý kiến chuyên môn cụ thể, rõ ràng về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định;
- e) Xây dựng, ban hành bản kết luận giám định;
- g) Lập hồ sơ giám định.

2. Trong quá trình thực hiện giám định, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có thể sử dụng ý kiến hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác đưa ra, phục vụ cho việc giám định.

3. Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trung cầu, yêu cầu giám định biết và thống nhất phương án giải quyết.

4. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải lập văn bản hoặc dữ liệu điện tử ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định theo quy định tại Điều 34 Luật Giám định tư pháp và theo Biểu mẫu 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phải bằng văn bản và được thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Giám định tư pháp và theo Biểu mẫu 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư

này.

2. Trường hợp người giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được trưng cầu, yêu cầu đích danh thực hiện giám định thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp. Việc sử dụng chữ ký số trong kết luận giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Trường hợp tổ chức được trưng cầu, yêu cầu thực hiện giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thì ngoài chữ ký, họ và tên của người thực hiện giám định, bản kết luận giám định tư pháp còn phải được người Lãnh đạo của tổ chức ký tên, đóng dấu của tổ chức đó. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp của mình.

a) Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ được trưng cầu giám định thì Lãnh đạo tổ chức chuyên môn về vấn đề cần giám định ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và đóng dấu Bộ Khoa học và Công nghệ vào bản kết luận giám định.

b) Trường hợp tổ chức chuyên môn về khoa học và công nghệ được trưng cầu giám định thì Lãnh đạo tổ chức chuyên môn về khoa học và công nghệ ký và đóng dấu của tổ chức vào bản kết luận giám định.

c) Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại Điều 16 Thông tư này thực hiện giám định thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định, Lãnh đạo tổ chức chuyên môn có nội dung cần giám định ký thừa lệnh Bộ trưởng vào bản kết luận giám định.

d) Trường hợp trưng cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì và tổ chức giám định tư pháp phối hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 của Luật Giám định tư pháp, bản kết luận giám định phải có chữ ký của người giám định tư pháp, chữ ký và đóng dấu của lãnh đạo các tổ chức này.

4. Sau khi ban hành kết luận giám định tư pháp, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định sau giám định cho người trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định sau giám định theo quy định của pháp luật. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau giám định phải được lập thành biên bản; nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Giám định tư pháp và Điều 23 Thông tư này.

5. Sau khi hoàn thành bản kết luận giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp, Hội đồng giám định lập hồ sơ đề nghị tổ chức có thẩm quyền

thanh toán, chi trả chi phí cần cho việc thực hiện giám định theo quy định của pháp luật về chi phí giám định.

Điều 27. Trả kết luận giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải gửi bản kết luận giám định cho cơ quan trung cầu, người yêu cầu giám định ngay sau khi được ban hành. Kết luận giám định có thể được trả trực tiếp cho cơ quan trung cầu giám định, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử trong trường hợp vụ việc giám định không thuộc trường hợp phải bảo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

2. Trường hợp trả trực tiếp, người thực hiện giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Liên hệ, thông báo cho cơ quan trung cầu, người yêu cầu giám định đến nhận kết luận giám định và nhận lại đối tượng giám định nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Kiểm tra Giấy giới thiệu, giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh công an nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân...) của người nhận kết luận giám định và đối tượng giám định;

c) Giao trả 01 bản kết luận giám định và lập biên bản giao nhận theo Biểu mẫu 07 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Kiểm tra, niêm phong, bàn giao lại đối tượng giám định (nếu có).

3. Trường hợp trả qua bưu chính, người giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Kiểm tra, đóng gói, niêm phong 01 bản kết luận giám định và đối tượng giám định được giao trả lại nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Gửi kết luận giám định và đối tượng giám định qua dịch vụ bưu chính (có ký giao nhận hoặc phiếu gửi).

4. Trường hợp đối tượng giám định là vật chứng của vụ án hoặc trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu bằng văn bản của người trung cầu giám định thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định giao trả lại sau khi hoàn thành việc giám định. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định phải lập thành biên bản theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Điều 28. Lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc

nhóm Hồ sơ giải quyết các vụ việc trong hoạt động quản lý chuyên môn nghiệp vụ được lập, bảo quản, lưu trữ theo quy định của Luật Giám định tư pháp, quy định pháp luật về văn thư, lưu trữ và quy định của tổ chức thực hiện giám định.

2. Người thực hiện giám định có trách nhiệm lập hồ sơ giám định theo Biểu mẫu 08 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các tài liệu chính sau đây:

a) Quyết định trưng cầu giám định, Quyết định trưng cầu giám định bổ sung (nếu có), Quyết định trưng cầu giám định lại (nếu có) và đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

b) Quyết định thành lập Tổ giám định hoặc Quyết định thành lập Hội đồng giám định hoặc văn bản phân công, cử người thực hiện giám định tư pháp;

c) Biên bản giao, nhận hồ sơ trưng cầu, đối tượng giám định; biên bản mở niêm phong hồ sơ, tài liệu, đồ vật (nếu có);

d) Đề cương giám định (nếu có);

đ) Văn bản, dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

e) Kết luận giám định trước đó hoặc ý kiến, kết luận chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện (nếu có); Bản ảnh giám định (nếu có);

g) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ phục vụ việc giám định tư pháp (nếu có);

h) Bản kết luận giám định tư pháp;

i) Biên bản giao nhận kết luận giám định; giao trả đối tượng giám định (nếu có);

k) Tài liệu khác liên quan đến việc giám định (nếu có) như dữ liệu thô, nhật ký chạy thử nghiệm trong quá trình giám định....

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày hoàn thành việc giám định, người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định cho tổ chức chủ quản lưu giữ và bảo quản theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Hồ sơ giám định của Tổ giám định tư pháp được bàn giao cho tổ chức có thành viên được giao làm Tổ trưởng Tổ giám định.

Hồ sơ giám định của Hội đồng giám định được bàn giao cho tổ chức có thành viên là Chủ tịch Hội đồng.

Tổ chức nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định của Bộ Khoa học

và Công nghệ.

Việc tổ chức bàn giao, bảo quản, lưu trữ tài liệu đối với các vụ việc giám định được thực hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tuân thủ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và pháp luật có liên quan.

4. Hồ sơ giám định tư pháp có thể được khai thác, sử dụng như sau:

a) Tổ chức nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm xuất trình hồ sơ giám định tư pháp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Người đã thực hiện giám định tư pháp được khai thác, sử dụng hồ sơ giám định tư pháp để phục vụ việc tham gia hoạt động tố tụng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người yêu cầu giám định.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Thời hạn giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Thời hạn giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Giám định tư pháp.

2. Thời hạn của từng bước trong quy trình giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định tại Quy trình giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong trường hợp vụ việc phức tạp, tùy theo mức độ phức tạp, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định báo cáo bằng văn bản gửi Lãnh đạo tổ chức được trưng cầu giám định xin kéo dài thời gian thực hiện giám định nhưng không quá 04 tháng.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức trong hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Vụ Pháp chế là tổ chức đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chuyên môn hoặc có liên quan tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về giám định tư pháp; tham gia tập huấn, bồi

dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

b) Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;

d) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện chế độ thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

đ) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Thông tư này.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ các vấn đề liên quan đến nhân sự trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị chuyên môn trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;

c) Phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị chuyên môn thực hiện chế độ thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

d) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Thông tư này.

3. Trách nhiệm của các tổ chức chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu, đề xuất nội dung hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, việc thực hiện giám định ở chuyên ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi chức năng;

b) Xây dựng nguồn nhân lực làm giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Chuẩn bị và chịu trách nhiệm về nội dung, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ giám định ở lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi chức năng;

d) Phối hợp với Vụ Pháp chế, tổ chức có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định cho đội ngũ người làm giám

định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

đ) Bảo đảm thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định của tổ chức mình;

e) Tổ chức thực hiện việc lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định;

g) Chủ trì, phối hợp với tổ chức có liên quan đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kịp thời khen thưởng đột xuất, định kỳ đối với người làm giám định của tổ chức mình hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định hoặc tích cực tham gia hoạt động giám định.

h) Thực hiện việc thông tin, báo cáo định kỳ Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Pháp chế) về kết quả thực hiện việc giám định, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý chuyên môn của mình trước ngày 20 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu 10, 11 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp, bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Thông tư này.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp, gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí chi trả chi phí giám định tư pháp, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp cho các tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ và tại địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Việc giải quyết khiếu nại về trung cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

6. Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở địa phương và có trách nhiệm:

a) Phân công tổ chức làm đầu mối giúp Sở trong việc quản lý công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức liên quan trong việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công

nghệ ở địa phương;

c) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp, bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo thẩm quyền;

đ) Chủ trì, phối hợp với tổ chức có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kịp thời khen thưởng đột xuất, định kỳ đối với người làm giám định của tổ chức mình hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định hoặc tích cực tham gia hoạt động giám định;

e) Báo cáo theo định kỳ Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Pháp chế) và Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý chuyên môn của mình ở địa phương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu 11 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Các quyết định trung cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được tiếp nhận, thực hiện giám định trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa ban hành kết luận giám định thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

2. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được bổ nhiệm, công nhận trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì không phải thực hiện lại việc bổ nhiệm, công nhận theo quy định của Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa xử lý xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học

và công nghệ.

b) Thông tư số 25/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, PC.



BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

PHỤ LỤC I
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số **18/2026**/TT-BKHCN ngày **15** tháng **4** năm
2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Bước 1: Giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định (thực hiện tối đa trong 05 ngày làm việc).

Bước 2: Chuẩn bị giám định

- Xác định sơ bộ nội dung chuyên môn, công việc cần thực hiện (thực hiện tối đa trong 04 ngày làm việc).
- Lập đề cương giám định (thực hiện tối đa trong 04 ngày làm việc).
- Lập hồ sơ đề nghị tạm ứng chi phí giám định tư pháp gửi Cơ quan trưng cầu (thực hiện tối đa trong 04 ngày làm việc).

Bước 3: Thực hiện giám định tối đa 22 ngày làm việc. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thời gian thực hiện giám định tối đa 44 ngày làm việc, trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thực hiện giám định tối đa 66 ngày làm việc.

Bước 4: Kết luận giám định (thực hiện tối đa trong 05 ngày làm việc).

Bước 5: Trả kết luận giám định (thực hiện tối đa trong 01 ngày làm việc).

Bước 6: Lập, bảo quản và lưu hồ sơ giám định (thực hiện tối đa trong 04 ngày làm việc).

PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU VĂN BẢN GIÁM ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm
 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Quyết định thành lập Tổ giám định	BM.01
2.	Quyết định thành lập Hội đồng giám định	BM.02
3.	Biên bản giao nhận hồ sơ, đối tượng, thông tin, tài liệu, mẫu vật giám định	BM.03
4.	Biên bản mở niêm phong hồ sơ, đối tượng, thông tin, tài liệu, mẫu vật giám định	BM.04
5.	Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định	BM.05
6.	Kết luận giám định tư pháp	BM.06a, BM.06b
7.	Biên bản giao nhận kết luận giám định, giao trả đối tượng sau giám định	BM.07
8.	Danh mục tài liệu trong hồ sơ giám định	BM.08
9.	Sổ theo dõi trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp	BM.09
10.	Báo cáo về kết quả thực hiện vụ việc giám định	BM.10
11.	Báo cáo kết quả thực hiện công tác giám định tư pháp năm	BM.11

BM.01

/2026/TT-BKHCN

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC THỰC HIỆN
GIÁM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...(1)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ giám định

.....(2).....

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ra quyết định;

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số... ngày... tháng... năm... của ...;

Theo đề nghị của ... (3)...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Tổ giám định để thực hiện giám định tư pháp theo Quyết định trưng cầu giám định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..., gồm các Ông (bà) có tên sau đây:

Ông (bà) (4) - Tổ trưởng;

Ông (bà) (4) - Tổ phó (nếu có);

Ông (bà) (4) - Thành viên.

Điều 2. Tổ giám định quy định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp và được sử dụng con dấu của(5).... phục vụ cho việc thực hiện giám định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. ...(6)... và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành

Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (đề th/h);
- Tên Cơ quan trung cầu giám định;
-
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM
ĐỊNH**

(Ký tên, đóng dấu)

Chú giải BM.01:

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức thực hiện giám định, ví dụ như Bộ Khoa học và Công nghệ thì viết là BKHCN
- (2) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện giám định.
- (3) Cơ quan được phân công thực hiện giám định hoặc chủ trì thực hiện giám định.
- (4) Ghi họ, tên, chức danh, số thẻ giám định viên tư pháp đối với giám định viên tư pháp đã được cấp thẻ (nếu có).
- (5) Cơ quan, tổ chức ban hành Quyết định thành lập Tổ giám định.
- (6) Thủ trưởng cơ quan được phân công thực hiện giám định, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

BM.02

/2026/TT-BKHCN

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...(1)...

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng giám định
.....(2).....

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ra quyết định;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ hai số ... ngày ...tháng... năm ... của ...;

Xét đề nghị của(3).....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng giám định để thực hiện giám định tư pháp theo Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ hai số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..., gồm các Ông (bà) có tên sau đây:

Ông (bà) (1) - Chủ tịch Hội đồng;

Ông (bà) (1) - Thành viên;

Ông (bà) (1) - Thành viên.

Điều 2. Hội đồng giám định quy định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp và được sử dụng con dấu của(4)..... phục vụ cho việc thực hiện giám định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4.(5)....., Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các Ông/Bà có

tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (đề th/h);
- Tên Cơ quan trung cầu giám định;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ
CHỨC BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký tên, đóng dấu)

Chú giải BM.02:

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định, ví dụ như Bộ Khoa học và Công nghệ thì viết là BKHCN.
- (2) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.
- (3) Cơ quan được phân công thực hiện giám định hoặc chủ trì thực hiện giám định.
- (4) Cơ quan ban hành Quyết định thành lập Hội đồng giám định.
- (5) Thủ trưởng cơ quan được phân công quản lý hoạt động giám định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Giao nhận hồ sơ, đối tượng, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giám định

Hôm nay, hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại... (1)...

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao: Người trưng cầu giám định hoặc đại diện cơ quan trưng cầu giám định:

- Ông (bà): Chức vụ

2. Bên nhận: Người thực hiện giám định hoặc đại diện cơ quan thực hiện giám định:

- Ông (bà): Chức vụ

Tiến hành giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật kèm theo Quyết định trưng cầu giám định số(2).....

a) Các bên đã giao nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật, cụ thể (3):

- Đối tượng giám định:

- Hồ sơ, tài liệu:

- Đồ vật, mẫu vật:

- Đối tượng khác (nếu có):

b) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận:

c) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận:

Biên bản này đã được bên giao, bên nhận đọc lại, thống nhất ý kiến và được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau.

Việc giao, nhận hoàn thành hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chú giải BM.03:

(1) Ghi cụ thể địa chỉ, địa điểm tiến hành giao nhận.

(2) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trưng cầu giám định; loại quyết định (trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại, giám định lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trưng cầu giám định tư pháp/ Họ, tên người có thẩm quyền

tiến hành tổ tụng trưng cầu giám định tư pháp.

(3) Ghi cụ thể từng loại hồ sơ; đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giao, nhận (tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Mở niêm phong hồ sơ, đối tượng, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật
giám định**

Hôm nay, hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại(1).....

Căn cứ Quyết định trưng cầu số ... ngày ... tháng ... năm ... của(2).....

Chúng tôi gồm:

Bên giao: thuộc Cơ quan

Bên nhận: thuộc Cơ quan

Đã tiến hành mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định theo Quyết định trưng cầu giám định trên *(hoặc Biên bản giao nhận ngày ... tháng ... năm ... hoặc Bưu phẩm, bưu kiện có số hiệu)*

Tình trạng hồ sơ, tài liệu, đồ vật, mẫu vật gửi giám định: (3)

.....
.....

Biên bản này đã được bên giao, bên nhận đọc lại, thống nhất ý kiến và được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chú giải BM.04:

(1) Ghi cụ thể địa chỉ, địa điểm tiến hành mở niêm phong.

(2) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trưng cầu giám định; loại quyết định (trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại, giám định lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trưng cầu giám định tư pháp/ Họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tư pháp.

(3) Ghi rõ tình trạng niêm phong, cách đóng gói và bảo quản; tên, số lượng, của từng loại tài liệu giám định; đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN

Ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

Thực hiện Quyết định trung cầu giám định(1).....

Thực hiện Văn bản phân công, cử người/Quyết định thành lập Tổ giám định/Quyết định thành lập Hội đồng giám định(2).....;

Tôi/Chúng tôi gồm:

- - Giám định viên tư pháp (Số thẻ:...)/Người giám định tư pháp theo vụ việc

-- Giám định viên tư pháp (Số thẻ:...)/Người giám định tư pháp theo vụ việc

- - Người giúp việc cho người giám định tư pháp (nếu có).

Đã tiến hành giám định và quá trình thực hiện giám định như sau:

1. Tình trạng thông tin, tài liệu, đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan:

.....
.....
.....

2. Thời gian, địa điểm thực hiện giám định:.....

.....
.....

3. Nội dung công việc đã thực hiện:

3.1. Nội dung 1:

- Tài liệu, thông tin, đối tượng giám định được xem xét, đánh giá
- Phương pháp thực hiện:
- Cơ sở pháp lý, quy chuẩn chuyên môn áp dụng:
- Phương tiện, máy móc, thiết bị, dịch vụ đã sử dụng (nếu có):
- Kết quả thực hiện giám định:.....

3.2. Nội dung 2:

- Tài liệu, thông tin, đối tượng giám định được xem xét, đánh giá
- Phương pháp thực hiện:
- Cơ sở pháp lý, quy chuẩn chuyên môn áp dụng:
- Phương tiện, máy móc, thiết bị, dịch vụ đã sử dụng (nếu có):
- Kết quả thực hiện giám định:.....

ngày... tháng... năm ...

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (3)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI GIÚP VIỆC

CHO NGƯỜI GDTP (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chú giải BM.05:

(1) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trung cầu giám định; loại quyết định (trung cầu giám định bổ sung, giám định lại, giám định lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trung cầu giám định tư pháp/ Họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trung cầu giám định tư pháp.

(2) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành Văn bản hoặc Quyết định.

(3) Văn bản phải có đủ chữ ký (ghi rõ họ, tên) của tất cả người giám định tư pháp và người giúp việc cho người giám định tư pháp (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. Thông tin chung của vụ việc

Căn cứ Quyết định trung cầu giám định số ... ngày ... tháng ... năm... của .

Tôi tên là: - Giám định viên tư pháp (Số
thẻ:...) /Người giám định tư pháp theo vụ việc

Chức vụ:

Nơi công tác:

đã tiếp nhận Quyết định trung cầu giám định số ... và tài liệu, hồ sơ kèm
theo do Cơ quan trung cầu giám định giao ngày ... tháng ... năm... (*Danh mục kèm
theo*) và đã tiến hành nghiên cứu, giám định tại: ... (1)... từ ngày ... tháng ... năm ...
đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Nội dung yêu cầu giám định được xem xét, đánh giá (2)

.....
.....
.....

III. Phương pháp thực hiện giám định

.....
.....
.....

IV. Kết luận về vấn đề/đối tượng cần giám định (3)

1. Nội dung 1

- Tài liệu, thông tin cụ thể, đối tượng giám định (nếu có) được xem xét,
đánh giá.

- Cơ sở pháp lý/quy chuẩn chuyên môn cụ thể (4) để xem xét, đánh giá vấn
đề/đối tượng cần giám định:

- Nhận định, kết luận:

.....
.....
.....

2. Nội dung 2

- Tài liệu, thông tin cụ thể, đối tượng giám định (nếu có) được xem xét,
đánh giá

- Cơ sở pháp lý/quy chuẩn chuyên môn cụ thể (4) để xem xét, đánh giá vấn

đề/đối tượng cần giám định:

- Nhận định, kết luận:

NGƯỜI THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:

- Cơ quan trung cầu giám định;

- Lưu: Hồ sơ GDTP.

Chú giải BM.06a: (Dành cho cá nhân được trưng cầu giám định)

(1) Ghi rõ địa điểm thực hiện giám định.

(2) Ghi rõ các câu hỏi, yêu cầu giám định được xem xét, đánh giá.

(3) Nêu rõ nhận định, đánh giá, kết luận chuyên môn về các nội dung yêu cầu giám định tại mục II Kết luận này.

(4) Chỉ nêu tên điểm, khoản, điều của văn bản mà không trích dẫn nội dung văn bản vào trong bản Kết luận.

BM.06b

/2026/TT-BKHCN

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐƯỢC TRUNG
CẦU GIÁM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../KL-...(1)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. Thông tin chung của vụ việc

Căn cứ Quyết định trung cầu giám định số ... ngày ... tháng ... năm... của..., ngày ... tháng ... năm ...,(2)..... đã có(3).....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà): - Giám định viên tư pháp (Số thẻ:...)/Người giám định tư pháp theo vụ việc

Chức vụ:Thuộc cơ quan/tổ chức:

2. Ông (bà): - Giám định viên tư pháp (Số thẻ:...)/Người giám định tư pháp theo vụ việc

Chức vụ: Thuộc cơ quan/tổ chức:

đã tiếp nhận Quyết định trung cầu giám định số ... và tài liệu, hồ sơ kèm theo do Cơ quan trung cầu giám định giao ngày ... tháng ... năm... (*Danh mục kèm theo*) và đã tiến hành nghiên cứu, giám định tại: ... (4)... từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Nội dung yêu cầu giám định được xem xét, đánh giá (5)

III. Phương pháp thực hiện giám định

IV. Kết luận về vấn đề cần giám định (6)

1. Nội dung 1

- Tài liệu, thông tin cụ thể, đối tượng giám định (nếu có) được xem xét, đánh giá

- Cơ sở pháp lý/quy chuẩn chuyên môn cụ thể (7) để xem xét, đánh giá vấn đề/đối tượng cần giám định:

- Nhận định, kết luận:

2. Nội dung 2

- Tài liệu, thông tin cụ thể, đối tượng giám định (nếu có) được xem xét, đánh giá

- Cơ sở pháp lý/quy chuẩn chuyên môn cụ thể (7) để xem xét, đánh giá vấn

đề/đối tượng cần giám định:

- Nhận định, kết luận:

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐƯỢC TRUNG CẦU GIÁM
ĐỊNH (8)**

**NGƯỜI THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH
(9)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:

- Cơ quan trung cầu giám định;
- Cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý GDTP của Bộ Khoa học và Công nghệ/Sở Khoa học và Công nghệ.
- Lưu: Hồ sơ GDTP.

Chú giải Biểu mẫu 06b:

(1) Chữ viết tắt của tên cơ quan được trung cầu giám định và cơ quan chuyên môn được phân công thực hiện giám định hoặc chủ trì thực hiện giám định (ví dụ: Trường hợp việc giám định về đấu giá tài sản do Vụ Pháp chế chủ trì thực hiện giám định thì sẽ viết là: số:.../KL-BKHHCN/VPC).

(2) Tên cơ quan được trung cầu giám định.

(3) Công văn cử người/Quyết định thành lập Tổ giám định/Quyết định thành lập Hội đồng giám định.

(4) Ghi rõ địa điểm thực hiện giám định.

(5) Ghi rõ các câu hỏi, yêu cầu giám định được xem xét, đánh giá.

(6) Nêu rõ nhận định, đánh giá, kết luận chuyên môn về các nội dung yêu cầu giám định tại mục II Kết luận này.

(7) Chỉ nêu tên điểm, khoản, điều của văn bản mà không trích dẫn nội dung văn bản vào trong bản Kết luận.

(8) Ký tên, đóng dấu của cơ quan được trung cầu giám định.

(9) Ký, ghi rõ họ tên của từng người thực hiện giám định.

BM.07

/2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC THỰC HIỆN
GIÁM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH, GIAO TRẢ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH

- Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Quyết định trung cầu giám định số(1)..... ;
- Căn cứ Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật ngày ... tháng ... năm ... tại...;

-(2)

Hôm nay, hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm tại:(3)

Chúng tôi gồm:

1. Người thực hiện giám định hoặc đại diện cơ quan thực hiện giám định

(Bên giao)

Ông (bà) Chức vụ

2. Người trung cầu giám định hoặc đại diện cơ quan trung cầu giám định

(Bên nhận)

Ông (bà) Chức vụ

Tiến hành bàn giao Kết luận giám định và đối tượng giám định (nếu có),
gồm:

- Kết luận giám định số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

- Đối tượng giám định được giao, nhận lại sau giám định(4)

Biên bản này đã được bên giao, bên nhận đọc lại, thống nhất ý kiến và được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau.

Việc giao, nhận hoàn thành hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chú giải BM.07:

(1) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trung cầu giám định; loại

quyết định (trung cầu giám định bổ sung, giám định lại, giám định lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trung cầu giám định tư pháp/Họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trung cầu giám định tư pháp.

(2) Biên bản giao nhận bổ sung lần 1, 2, 3.... (nếu có).

(3) Ghi cụ thể địa chỉ, địa điểm tiến hành giao nhận.

(4) Ghi rõ tên, số lượng, tình trạng mẫu vật, cách đóng gói, niêm phong và đồ vật, tài liệu có liên quan.

DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ GIÁM ĐỊNH

STT	Trích yếu tài liệu	Số, ký hiệu, thời gian ban hành	Từ tờ đến tờ	Đặc điểm tài liệu (1)	Ghi chú
1	Quyết định trung cầu giám định (2)				
2	Tài liệu kèm theo Quyết định trung cầu giám định (nếu có)				
3	Văn bản phân công, cử người thực hiện giám định (3)				
4	Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định				
5	Đề cương giám định (nếu có)				
6	Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định				
7	Kết luận giám định trước đó hoặc ý kiến, kết luận chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện (nếu có)				
8	Bản ảnh (nếu có)				
9	Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ phục vụ việc giám định tư pháp (nếu có)				
10	Bản kết luận giám định tư pháp				
11	Biên bản giao nhận kết luận giám định; giao trả lại đối tượng sau giám định (nếu có)				
12	Tài liệu khác liên quan đến việc giám định (nếu có)				

Chú giải BM.08:

- (1) Ghi rõ đặc điểm tài liệu (bản chính/ bản photo...).
- (2) Ghi rõ Quyết định trung cầu giám định lần đầu/bỏ sung/lại.
- (3) Văn bản phân công, cử người thực hiện giám định hoặc Quyết định thành lập Tổ giám định hoặc Quyết định thành lập Hội đồng giám định.

**SỔ THEO DÕI TRƯNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
NĂM**

STT	Quyết định trung cầu/ Văn bản yêu cầu giám định (1)	Ngày tiếp nhận	Nội dung yêu cầu giám định	Lĩnh vực (2)	Từ chối/ tiếp nhận giám định		Kết luận giám định (5)	Trả kết luận (6)	Cơ quan lưu hồ sơ giám định	Ghi chú
					Từ chối (3)	Tiếp nhận (4)				
1										
2										
3										
...										
	Tổng số: (7)				(8)	(9)				

Chú giải BM.09:

- (1) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định, tên cơ quan/người trưng cầu.
- (2) Ghi cụ thể tên chuyên ngành giám định của lĩnh vực khoa học và công nghệ.
- (3) Ghi rõ lý do từ chối tiếp nhận trưng cầu giám định.
- (4) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm Văn bản cử người/ thành lập Tổ giám định/ Hội đồng giám định
- (5) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Kết luận giám định
- (6) Ghi rõ: ngày, hình thức trả Kết luận giám định; ký, ghi rõ họ tên, cơ quan công tác của người nhận kết luận giám định trong trường hợp trả Kết luận trực tiếp.
- (7) Tổng số Quyết định trưng cầu giám định.
- (8) Số lượng từ chối Quyết định trưng cầu giám định.
- (9) Số lượng tiếp nhận Quyết định trưng cầu giám định.



BM.10

/2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC THỰC HIỆN
GIÁM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....(1).....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:(2).....

Thực hiện quy định của Thông tư số .../2026/TT-BKHCN ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

... (3)... báo cáo về kết quả thực hiện vụ việc giám định tư pháp, cụ thể như sau:

1. Quyết định trung cầu, văn bản yêu cầu giám định tư pháp: (4)
2. Nội dung giám định: (5)
3. Thời hạn giám định: (6)
4. Người thực hiện giám định: (7)
5. Thời gian thực hiện giám định: (8)
6. Kết luận giám định: (9)
7. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị (nếu có):

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Chú giải BM.10:

(1) Chữ viết tắt của tên cơ quan được giao thực hiện giám định tư pháp/cơ quan có thành viên được giao làm đầu mối của Tổ giám định tư pháp/cơ quan có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận báo cáo.

(3) Tên cơ quan, tổ chức thực hiện giám định.

(4) Ghi rõ số, ngày tháng năm, cơ quan trung cầu giám định của quyết định trung cầu giám định, quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại.

(5) Nêu tóm tắt nội dung yêu cầu thực hiện giám định theo quyết định trung cầu.

(6) Nêu rõ thời hạn giám định nêu tại quyết định trung cầu.

(7) Nêu cụ thể, đầy đủ họ tên của người thực hiện giám định theo Văn bản phân công, cử người thực hiện giám định hoặc Quyết định thành lập Tổ giám định

hoặc Quyết định thành lập Hội đồng giám định.

(8) Thời gian thực hiện giám định thực tế.

(9) Ghi cụ thể số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành Kết luận giám định.



BM.11

/2026/TT-BKHCN

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác giám định tư pháp năm

Kính gửi:(4).....

I. Tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp

1. Về tổ chức

1.1. Về bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp; miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

- Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp: người.
- Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp: người.

1.2. Về công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc

- Công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc:
+ tổ chức;
+ người;
- Hủy bỏ công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc:
+ tổ chức;
+ người;

1.3. Về thay đổi thông tin tổ chức, người giám định tư pháp

- Thay đổi thông tin tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc: tổ chức.
- Thay đổi thông tin người giám định tư pháp: người. Trong đó:
+ Giám định viên tư pháp: người.
+ Người giám định tư pháp theo vụ việc: người.

2. Về thực hiện giám định tư pháp

2.1. Về thực hiện trung cầu giám định: Tổng số quyết định trung cầu giám định: quyết định, trong đó:

- Số quyết định trung cầu đã tiếp nhận: quyết định.
- + Số quyết định trung cầu đã ban hành kết luận giám định: quyết định.
- + Số quyết định trung cầu đang thực hiện giám định: quyết định.
- + Số quyết định trung cầu tạm dừng giám định (nếu có): quyết định. Lý

do:

- Số quyết định trưng cầu đã từ chối: quyết định. Lý do:

2.2. Về thực hiện yêu cầu giám định (nếu có): Tổng số yêu cầu giám định: yêu cầu, trong đó:

- Số yêu cầu giám định đã tiếp nhận: yêu cầu.

+ Số yêu cầu đã ban hành kết luận giám định: yêu cầu.

+ Số yêu cầu đang thực hiện giám định: yêu cầu.

+ Số yêu cầu tạm dừng giám định (nếu có): yêu cầu. Lý do:

- Số yêu cầu giám định đã từ chối: yêu cầu. Lý do:

3. Về quản lý

3.1. Về tổ chức đào tạo, tập huấn

3.2. Về kiểm tra, thanh tra

3.3. Về đánh giá hoạt động giám định; khen thưởng, kỷ luật (nếu có)

3.4. Nội dung khác (nếu có)

III. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

1. Khó khăn, vướng mắc

1.1. Về tổ chức giám định tư pháp

1.2. Về hoạt động giám định tư pháp

- Về trưng cầu, yêu cầu giám định

- Về thực hiện giám định

1.3. Về quản lý giám định tư pháp

2. Nguyên nhân

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)

Chú giải BM.11:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan được giao thực hiện giám định tư pháp/cơ quan có thành viên được giao làm đầu mối của Tổ giám định tư pháp/cơ quan có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định.

(3) Chữ viết tắt của tên cơ quan được giao thực hiện giám định tư pháp/cơ quan có thành viên được giao làm đầu mối của Tổ giám định tư pháp/cơ quan có

thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định.

(4) Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiếp nhận báo cáo.